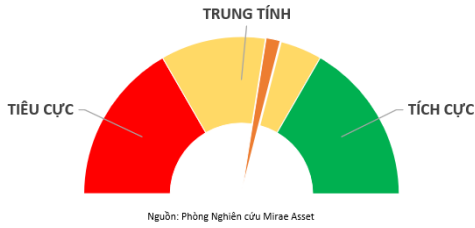


Thang đo sức mạnh thị trường



07 Tháng Chín 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,341.90	-0.33	0.03	51.07
HNX	346.48	0.25	6.46	176.23
UPCOM	94.70	0.04	7.27	61.49
MSCI EM	1,324.37	0.64	2.46	21.00
NIKKEI	29,916.14	0.86	7.53	29.56
HANG SENG	26,353.63	0.73	0.67	7.17
KOSPI	3,187.42	-0.50	-2.54	33.69
FTSE	7,175.15	-0.17	0.73	20.85
S&P 500	4,535.43	-0.03	2.23	32.35
NASDAQ	15,363.52	0.21	3.56	35.80

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.16	2.60	16.31
SET INDEX	20.20	1.79	7.58
JCI INDEX	NA	1.44	-10.97
PCOMP INDEX	23.18	1.69	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.83	1	-16	-84
10 năm	2.07	-1	-2	-83

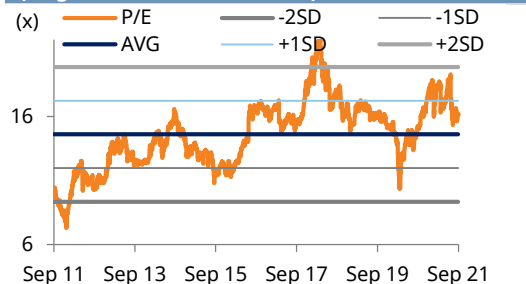
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,762	0.04	0.70	1.82
US\$/KRW	1,158	-0.11	-1.15	2.63
US\$/JPY	110	-0.08	0.31	-3.35
US\$/EUR	0.84	0.00	-1.13	-0.46
US\$/GBP	0.72	0.15	0.22	-4.70
US\$/SGD	1.34	-0.07	1.00	1.69

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,126	983	635
HNX	158	163	91
UPCOM	106	81	41

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Ngân hàng giữ nhịp

Nếu như phiên hôm qua chứng kiến sự thăng hoa của nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, thì hôm nay phần lớn các cổ phiếu này đã “trả lại” cho thị trường. Diễn biến trong phiên của VN-Index chủ yếu nằm trong vùng xanh quanh mốc tham chiếu, tuy nhiên bị ảnh hưởng chủ yếu từ nhóm Ngân hàng, khi gần như tất cả cổ phiếu nhóm này đều dấy sóng và kéo thị trường tránh một phiên giảm sâu. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.341,9 điểm, giảm 4,5 điểm, tương ứng -0,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 26.659 tỷ đồng, HNX: 3.733 tỷ đồng, UPCOM: 2.479 tỷ đồng.

Diễn biến đáng chú ý nhất hôm trái ngược hoàn toàn với hôm qua khi ghi nhận 294 mã giảm và 125 mã tăng. Ngoại trừ nhóm Ngân hàng và Chứng khoán ngược dòng thị trường, các nhóm ngành còn lại đều giảm điểm: ở mức tương đối có Bất động sản, Thép, ở mức sâu có Dầu khí, Thủy sản và Xây dựng.

Khối ngoại hôm nay tăng đã bán ròng với giá trị gần 800 tỷ, trong đó VHM (353 tỷ) và SSI (247 tỷ) bị bán mạnh nhất.

Phiên giao dịch giảm nhẹ khiến các điểm số kỹ thuật đi ngang. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,2x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/09/2021)	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.270

Phiên giảm điểm nhẹ, VN-Index gặp cản khi vào vùng 1.350 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/09/2021)	1.441	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.444	Hỗ trợ 1	1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3,1	Hỗ trợ 2	1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

Tương tự như phiên hôm qua, nhưng ở chiều ngược lại là giảm điểm và VN30F1M tiếp tục dao động trong biên độ hẹp, spread trong ngày chỉ 14 điểm, các điểm số giao dịch hiện đang ở mức TRUNG TÍNH.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16	7,842,900	4	KHẢ QUAN	5,223	12.8	1.1
ACB	32.5	10,593,460	-2	TRUNG TÍNH	87,813	9.1	2.2
AGR	17.45	4,244,360	2	TRUNG TÍNH	3,699	10.6	1.6
APG	20.55	2,967,620	5	KHẢ QUAN	1,503	16.0	1.9
ASM	15.9	6,342,605	0	TRUNG TÍNH	4,116	10.0	0.9
BCG	18.5	6,543,670	0	TRUNG TÍNH	5,504	5.9	1.5
BID	39.7	2,044,950	-2	TRUNG TÍNH	159,674	16.1	2.0
BII	20.6	4,049,090	7	KHẢ QUAN	1,188	13.9	2.0
BSI	28.55	2,033,395	7	KHẢ QUAN	3,471	12.7	2.1
BSR	18.1	13,120,985	-2	TRUNG TÍNH	56,119	#N/A N/A	1.8
BVH	55.3	1,088,350	2	TRUNG TÍNH	41,050	21.9	2.0
CII	18.5	3,702,875	4	KHẢ QUAN	4,419	267.7	0.9
CTG	32.65	15,145,980	0	TRUNG TÍNH	156,908	9.6	1.7
CTR	82.1	1,031,120	-2	TRUNG TÍNH	7,629	27.3	7.2
CTS	31.6	2,425,500	4	KHẢ QUAN	3,362	11.8	2.1
DBC	61.5	3,057,000	2	TRUNG TÍNH	7,087	5.8	1.5
DCM	24.65	6,626,590	-2	TRUNG TÍNH	13,050	21.1	1.9
DDV	23	4,549,495	4	KHẢ QUAN	3,361	117.9	2.7
DGC	114.7	1,179,335	2	TRUNG TÍNH	19,623	19.5	4.4
DIG	33.3	14,710,715	-2	TRUNG TÍNH	13,649	18.2	2.9
DPM	35.35	7,524,580	-2	TRUNG TÍNH	13,834	12.2	1.6
DRC	35.1	3,167,770	4	KHẢ QUAN	4,170	12.2	2.4
DXG	22	6,654,410	2	TRUNG TÍNH	11,402	13.9	1.3
FCN	14.25	4,632,550	4	KHẢ QUAN	1,788	12.7	0.8
FIT	19.6	13,056,360	0	TRUNG TÍNH	4,993	36.1	1.6
FLC	10.8	15,067,485	2	TRUNG TÍNH	7,668	4.2	0.8
FPT	93.5	2,898,985	0	TRUNG TÍNH	84,848	22.1	5.1
FRT	41	2,682,310	0	TRUNG TÍNH	3,238	48.6	2.5
GAS	88.7	1,147,405	-2	TRUNG TÍNH	169,767	21.8	3.6
GEX	25.3	11,887,285	6	KHẢ QUAN	19,764	13.4	1.6
GMD	50.8	4,835,995	0	TRUNG TÍNH	15,310	37.4	2.5
GVR	38.85	6,793,310	2	TRUNG TÍNH	155,400	32.9	3.2
HAH	67.3	2,437,695	7	KHẢ QUAN	3,190	15.2	2.8
HBC	15.55	6,556,000	4	KHẢ QUAN	3,590	25.7	1.0
HCM	56.3	6,773,930	2	TRUNG TÍNH	17,174	19.4	3.6
HDB	26.7	2,569,150	-2	TRUNG TÍNH	53,192	10.1	2.0
HDC	65	916,640	-2	TRUNG TÍNH	5,621	18.4	4.3
HDG	54.3	2,480,095	-4	TIÊU CỰC	8,885	12.7	2.6
HHV	21	7,898,980	0	TRUNG TÍNH	5,615	36.0	0.9
HPG	50.7	26,724,836	4	KHẢ QUAN	226,777	9.0	3.1
HSG	42.1	12,028,880	6	KHẢ QUAN	20,590	5.4	2.1
HT1	21.4	3,864,720	0	TRUNG TÍNH	8,165	12.9	1.5
IDC	41.3	4,685,270	6	KHẢ QUAN	12,390	24.4	3.2
IJC	27.8	8,570,470	4	KHẢ QUAN	6,035	7.9	1.9
ITA	7.11	10,170,150	4	KHẢ QUAN	6,671	37.7	0.6
KBC	42.5	14,169,970	2	TRUNG TÍNH	19,965	23.7	1.9
KDC	59.7	2,248,035	-4	TIÊU CỰC	13,656	26.6	2.3
KDH	40.6	3,349,960	0	TRUNG TÍNH	25,297	20.7	2.9
KSB	34.2	3,661,555	5	KHẢ QUAN	2,507	10.0	1.5
LCG	17.9	7,568,275	2	TRUNG TÍNH	2,063	5.7	1.1
LPB	23.1	9,839,665	-4	TIÊU CỰC	27,803	10.4	1.8
MBB	28.6	17,270,676	-2	TRUNG TÍNH	108,060	10.3	2.0

MBS	37.2	4,063,255	5	KHẢ QUAN	9,955	19.8	3.3
MSN	129.8	1,454,065	-4	TIÊU CỰC	153,233	72.6	7.2
MWG	110.3	1,055,810	-2	TRUNG TÍNH	78,634	17.2	4.3
NKG	40.6	9,003,160	2	TRUNG TÍNH	8,867	6.0	1.9
NLG	44.4	3,518,845	4	KHẢ QUAN	12,666	11.3	2.0
NTL	34.2	2,573,375	0	TRUNG TÍNH	2,086	6.8	1.8
NVL	104.8	2,703,305	6	KHẢ QUAN	154,434	29.1	4.6
ORS	26.6	2,320,575	-2	TRUNG TÍNH	5,320	25.2	4.2
PAN	29.35	2,828,350	-2	TRUNG TÍNH	6,131	27.7	1.7
PC1	33.85	3,171,200	0	TRUNG TÍNH	6,472	9.8	1.5
PDR	83	3,344,110	-4	TIÊU CỰC	40,402	28.6	7.2
PET	27	4,107,500	0	TRUNG TÍNH	2,427	12.7	1.5
PLX	50.4	1,581,630	2	TRUNG TÍNH	62,688	15.7	2.6
POW	12.05	12,239,635	2	TRUNG TÍNH	28,220	11.2	1.0
PVD	18.5	6,829,885	2	TRUNG TÍNH	7,791	840.5	0.6
PVS	25.6	11,939,560	6	KHẢ QUAN	12,236	22.1	1.0
PVT	23.5	7,620,115	4	KHẢ QUAN	7,606	10.0	1.6
QTP	17.1	3,326,675	-2	TRUNG TÍNH	7,695	10.1	1.4
REE	64	1,394,490	0	TRUNG TÍNH	19,779	11.0	1.6
SBS	16.5	5,208,415	4	KHẢ QUAN	2,090	1,819.2	10.1
SBT	22.15	6,455,210	0	TRUNG TÍNH	13,670	20.7	1.8
SCR	11.3	11,284,615	4	KHẢ QUAN	4,140	14.1	0.9
SHB	26.6	18,414,060	-6	TIÊU CỰC	51,220	13.8	1.9
SHS	40.3	8,026,435	-1	TRUNG TÍNH	11,687	10.9	2.7
SMC	51.9	1,251,320	6	KHẢ QUAN	3,162	3.3	1.4
SSI	60.4	16,131,655	-4	TIÊU CỰC	39,557	21.4	3.5
STB	27.9	20,268,036	-2	TRUNG TÍNH	52,598	14.5	1.7
SZC	47.3	1,671,155	2	TRUNG TÍNH	4,730	18.9	3.6
TCB	49.65	15,955,185	-2	TRUNG TÍNH	174,019	10.8	2.1
TCH	19.4	7,655,610	6	KHẢ QUAN	7,744	8.9	1.3
TLH	20.3	3,383,330	2	TRUNG TÍNH	2,043	5.2	1.2
TNG	30	4,186,260	0	TRUNG TÍNH	2,386	13.5	1.9
TPB	36.4	4,553,735	1	TRUNG TÍNH	39,009	8.7	1.9
TVB	25.4	2,427,990	3	TRUNG TÍNH	2,711	8.8	2.1
VCB	100	1,399,915	4	KHẢ QUAN	370,888	18.1	3.5
VCI	64.3	6,418,680	3	TRUNG TÍNH	21,412	14.7	4.0
VGC	35.7	2,910,510	2	TRUNG TÍNH	16,006	17.0	2.5
VGt	20.5	6,926,535	4	KHẢ QUAN	10,250	36.0	1.7
VHC	49	2,958,415	0	TRUNG TÍNH	8,915	12.1	1.6
VHM	109.6	14,023,565	1	TRUNG TÍNH	367,107	10.9	3.8
VIC	93.9	2,473,760	-4	TIÊU CỰC	357,310	53.2	3.9
VIX	18.25	5,730,540	-2	TRUNG TÍNH	2,681	5.5	1.8
VJC	124.6	974,730	0	TRUNG TÍNH	67,485	429.4	4.0
VND	52	11,935,290	-4	TIÊU CỰC	22,310	10.4	2.3
VNM	86.3	3,458,505	0	TRUNG TÍNH	180,363	18.9	5.7
VOS	17.8	4,792,660	5	KHẢ QUAN	2,492	16.3	3.4
VPB	63.5	9,280,415	3	TRUNG TÍNH	156,829	12.6	2.6
VRE	27.2	4,217,520	4	KHẢ QUAN	61,807	22.8	2.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc nhập khẩu quặng sắt nhiều kỷ lục

Trung Quốc nhập lượng quặng sắt trị giá 20 tỷ USD trong tháng 8, mức cao kỷ lục, theo số liệu thương mại Trung Quốc công bố hôm nay, trong bối cảnh giá mặt hàng này tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tổng khối lượng là 97,5 triệu tấn. Tháng 8 cũng là tháng cao kỷ lục về giá trị tổng nhập khẩu của Trung Quốc từ Australia, với phần lớn khả năng là từ vận chuyển quặng sắt. Số liệu chi tiết sẽ được công bố cuối tháng 9. Các hãng khai khoáng Australia thường đáp ứng hơn 60% nhu cầu của Trung Quốc. Quan hệ giữa Trung Quốc và Australia vẫn căng thẳng. Trung Quốc đang chặn hoặc hạn chế nhiều mặt hàng Australia để đáp trả liên quan ngoại giao. Kinh tế Australia vẫn trụ vững trước hành động từ Trung Quốc, Bộ trưởng Tài chính Australia Josh Frydenberg nói hồi đầu tuần, với các nhà sản xuất đã chuyển hướng sản phẩm sang thị trường khác. Tuy nhiên, giá quặng sắt giảm từ đỉnh hồi tháng 5 và lực cầu từ Trung Quốc yếu hơn trong nửa cuối năm, do lực cầu từ lĩnh vực bất động sản và ngành thép giảm. Một phần nguyên nhân Trung Quốc tăng nhập khẩu quặng sắt có thể là xuất khẩu từ Brazil cải thiện và tăng tồn kho.

Lãnh đạo NHNN: Tín dụng 8 tháng tăng 7,4%

Trao đổi với Người Đồng Hành, ông Nguyễn Tuấn Anh, Vụ trưởng Tín dụng các ngành kinh tế Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết, đến cuối tháng 8, tín dụng tăng khoảng 7,4% so với đầu năm. Dòng vốn vẫn tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và hỗ trợ một số ngành thiết yếu như lúa gạo và các khu vực quan trọng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Theo số liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hết tháng 7, tín dụng toàn hệ thống tăng 6,66% so với đầu năm và tăng 1,13% so với tháng 6. Người đứng đầu vụ tín dụng chia sẻ tăng trưởng tín dụng tháng 8 có chậm lại và dự kiến tháng 9 sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng do tác động của dịch bệnh và thực hiện giãn cách xã hội. NHNN dự kiến kịch bản tín dụng sẽ hồi phục mạnh từ tháng 10 và hai tháng cuối năm. Theo ông Tuấn Anh, thời gian qua, với sự chỉ đạo từ NHNN, dòng vốn tín dụng đã được hỗ trợ kịp thời cho những lĩnh vực thiết yếu, tới các doanh nghiệp, người dân. Sau lĩnh vực lúa gạo, sắp tới, NHNN dự kiến tổ chức hội nghị để hỗ trợ lĩnh vực nông sản, cây ăn quả và có thể là lĩnh vực thủy sản. Mặc dù số lượng đề xuất chưa lớn, NHNN chủ động hướng tới các lĩnh vực trọng yếu, để hỗ trợ. Bên cạnh đó, ông Tuấn Anh cho biết dự thảo sửa đổi Thông tư 01 và 03 về cơ cấu nợ gần như đã hoàn thành sau khi tiếp nhận tất cả các ý kiến góp ý. Văn bản chính thức sẽ được công bố chính thức trong vài ngày tới.

PVI: muốn bán hơn 10,7 triệu cổ phiếu qu

HĐQT Công ty PVI (HNX: PVI) đã thông qua phương án bán toàn bộ 10,7 triệu cổ phiếu quỹ, thời gian thực hiện trong quý III và IV. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mục tiêu bán để bổ sung vốn lưu động. Theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên, hơn 10,7 triệu cổ phiếu quỹ PVI có giá trị ghi sổ 290 tỷ đồng, tương đương 27.103 đồng/cp. Cổ phiếu PVI hiện giao dịch vùng giá 45.000 - 46.000 đồng/cp, tăng 44% tính từ đầu năm và đang ở vùng đỉnh lịch sử. Tạm tính theo mức giá này, PVI có thể thu về 470 tỷ đồng vào thặng dư vốn cổ phần từ bán cổ phiếu quỹ.

PC1: sắp chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 20%

Xây lắp điện 1 (PCC1, HoSE: PC1) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành hơn 38,2 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 20% (5 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu mới). Nguồn thực hiện lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2020 (1.108,6 tỷ đồng). Ngoài ra, HĐQT công ty cũng thông qua phương án bán 432 cổ phiếu quỹ và chào bán hơn 5,7 triệu cổ phiếu ESOP, tương đương 3% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành 10.000 đồng/cp, hơn 57 tỷ đồng huy động dự kiến dùng để bổ sung vốn lưu động. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 2

năm. Thời gian phát hành cổ phiếu trả cổ tức, bán cổ phiếu quỹ và cổ phiếu ESOP dự kiến trong quý III-IV. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ gần 1.912 tỷ lên 2.351 tỷ đồng.

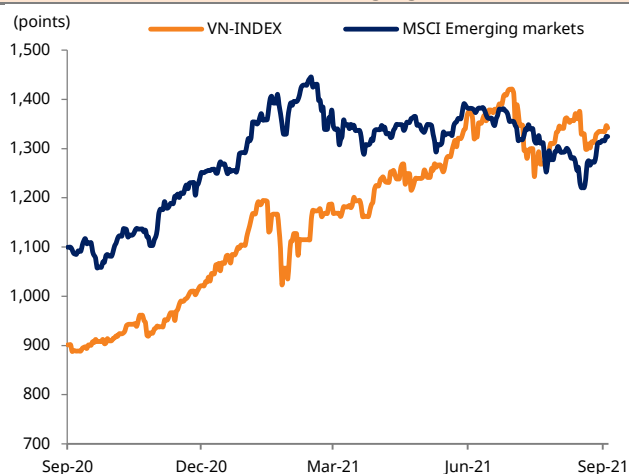
NLG: công bố danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu riêng lẻ

Đầu tư Nam Long (HoSE: NLG) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ giá 33.500 đồng/cp cho các nhà đầu tư đã đăng ký. Tổng vốn huy động 2.010 tỷ đồng. Doanh nghiệp dự kiến tài trợ 1.800 tỷ đồng cho đầu tư dự án Akari – Lô F và 200 tỷ góp vốn vào công ty con để nhận chuyển nhượng dự án PG Hải Phòng. Cổ phiếu phát hành riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Vốn điều lệ Nam Long tăng lên 3.453 tỷ đồng sau phát hành. Cổ phiếu NLG chốt phiên 6/9 có giá 45.700 đồng/cp, tăng 78% trong vòng 1 năm qua và cao hơn 36% giá phát hành riêng lẻ. Theo đó, có 14 nhà đầu tư trong nước đăng ký mua hơn 30,7 triệu cổ phiếu và cổ đông nước ngoài đăng ký mua phần còn lại. Danh sách nhà đầu tư trong nước mua gồm ông Nguyễn Xuân Quang – Chủ tịch HĐQT các cá nhân, tổ chức liên quan mua 8 triệu cổ phiếu, Công ty Đầu tư Thái Bình (TBS Group) mua 4,2 triệu đơn vị giảm so với mức 15,6 triệu đơn vị dự kiến trước đó, VNDirect mua 2,6 triệu đơn vị... Đồng thời, danh sách nhà đầu tư thực tế mua không có tên Tập đoàn Gelex (Gelex, HoSE: GEX). Trong thông báo trước đó, Gelex dự kiến mua 15 triệu NLG phát hành thêm. Tổ chức này hiện không sở hữu cổ phiếu NLG. Các tổ chức nước ngoài đăng ký mua cổ phiếu NLG phát hành riêng lẻ có thể kể đến như PYN Elite Fund 5,1 triệu, Vietnam Holdings Limited 2 triệu, nhóm quỹ KIM gần 8 triệu, nhóm Dragon Capital mua gần 7 triệu

VIC: đã bán xong hơn 100 triệu cổ phiếu VHM

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) đã bán xong gần 100,5 triệu cổ phiếu Vinhomes (HoSE: VHM) từ 19/8 đến 6/9. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Sau giao dịch, Vingroup còn sở hữu 2,2 tỷ cổ phiếu VHM, chiếm 66,66% vốn Vinhomes. Trong khoảng thời gian Vingroup bán cổ phiếu VHM giao dịch quanh vùng 107.000 – 108.000 đồng/cp. Tạm tính theo vùng giá này, Vingroup thu về khoảng 10.800 tỷ đồng. Cùng thời gian, Viking Asia Holdings II Pte. Ltd, quỹ thuộc Kohlberg Kravis Roberts (KKR) cũng đăng ký bán gần 32 triệu cổ phiếu VHM nhưng chưa có thông tin hoàn thành. Sau giao dịch tổ chức này không còn là cổ đông của Vinhomes.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



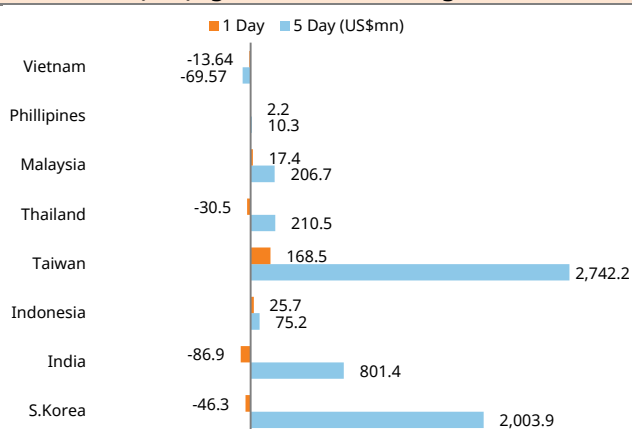
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



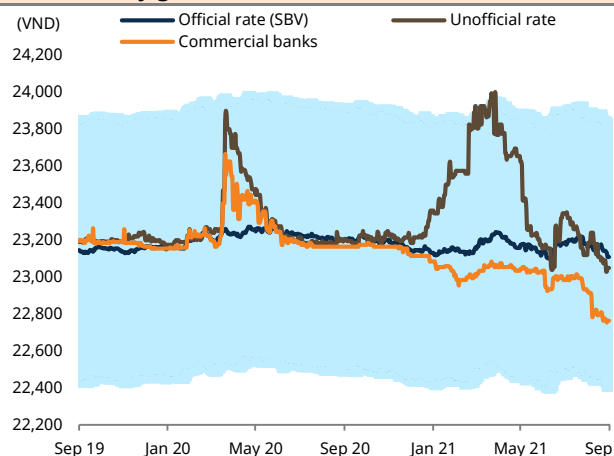
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



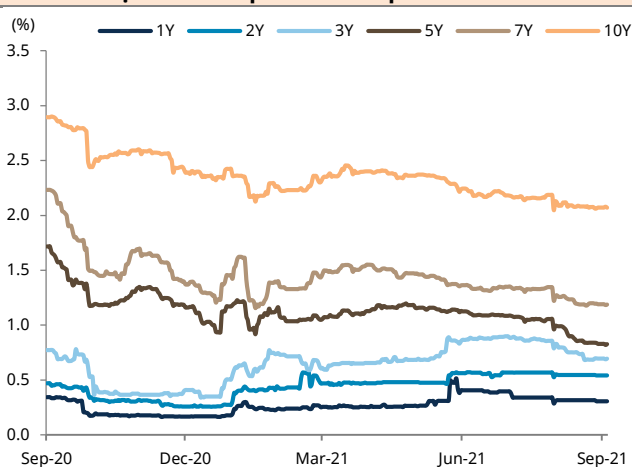
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



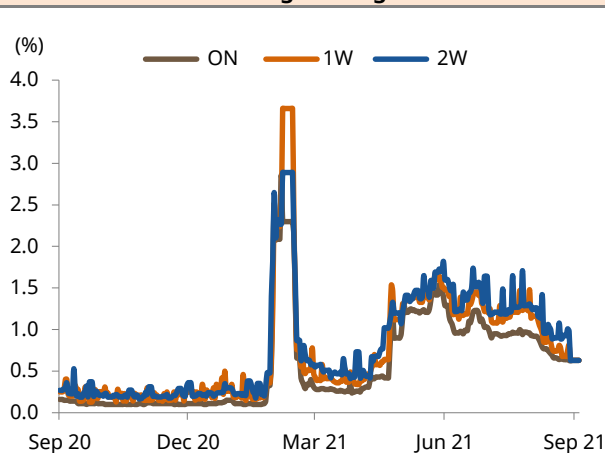
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,444.10	3,771,121		0.2	1.8	-2.2	75.2	13.7	11.8	2.6	2.2	36.4	16.4	22.5	20.6
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,500	87,813	30.0	1.4	2.4	-8.6	95.3	8.8	7.2	1.9	1.5	31.5	22.3	25.3	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,700	159,674	16.7	1.5	2.6	-7.5	-2.2	17.2	12.2	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,300	41,050	27.1	-2.0	3.6	2.8	12.7	23.9	21.2	1.9	1.8	10.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,650	156,908	24.5	1.9	4.8	-4.4	68.6	9.4	7.5	1.7	1.5	22.2	25.2	18.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	93,500	84,848	49.0	-1.5	1.6	-3.2	121.7	21.1	17.9	4.5	4.1	23.9	17.7	23.9	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,700	169,767	2.5	-1.9	2.0	-4.0	23.2	19.4	15.6	3.4	3.1	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	38,850	155,400	0.7	-1.1	3.9	13.6	226.5	33.4	30.5	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	26,700	53,192	18.4	1.3	0.8	-4.6	88.6	9.7	8.2	1.8	1.5	28.7	19.4	21.4	20.8
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	50,700	226,777	26.3	-1.0	6.5	4.8	179.4	7.7	7.7	2.5	1.9	130.4	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	40,600	25,297	30.3	-0.9	3.7	-1.9	83.4	23.2	16.6	2.7	2.3	-6.5	39.8	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,600	108,060	22.5	1.1	2.1	-3.5	153.2	9.1	7.6	1.6	1.4	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	129,800	153,233	33.0	-1.0	-4.5	-3.5	137.7	47.7	27.2	7.8	6.1	158.1	75.2	14.3	22.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	110,300	78,634	49.0	-0.6	0.6	-3.5	83.2	16.3	12.7	3.7	3.1	17.6	28.2	24.8	26.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,800	154,434	9.3	0.0	1.0	-2.5	129.0	35.9	25.9	4.4	4.1	-0.4	38.5	16.0	14.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	83,000	40,402	3.6	-3.5	-2.4	-11.2	234.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,400	62,688	17.6	-1.4	1.8	-4.7	-1.4	16.9	15.5	NA	NA	333.5	9.0	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	86,200	19,599	48.5	-0.3	0.5	-10.4	46.3	18.3	14.5	3.3	2.9	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,050	28,220	3.1	-2.8	1.3	9.5	19.9	13.4	10.7	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	148,700	95,359	62.6	-0.3	0.1	-4.2	-22.6	22.1	18.6	4.0	3.4	-5.7	19.0	21.2	21.8
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	60,400	39,557	47.0	0.7	-1.3	7.1	293.5	20.4	18.3	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,900	52,598	16.1	1.3	2.2	-7.9	149.1	19.1	14.1	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,650	174,019	22.5	1.4	3.3	-4.2	134.2	10.4	8.6	1.9	1.6	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,400	39,009	30.0	4.6	7.1	2.5	95.1	8.2	6.9	1.7	1.3	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,000	370,888	23.5	0.0	2.2	1.9	19.6	16.8	14.1	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	109,600	367,107	23.5	1.1	2.5	-3.8	38.6	11.7	10.3	3.2	2.4	13.0	12.9	28.3	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	93,900	357,310	14.7	-1.2	-0.9	-6.8	15.5	59.8	58.5	4.0	3.6	4.5	2.3	7.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	124,600	67,485	17.7	-0.9	-1.7	6.1	16.4	NA	34.9	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,300	180,363	54.8	-0.6	-0.8	-1.0	-17.8	18.1	16.7	5.6	5.4	0.2	8.1	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	63,500	156,829	15.4	3.9	3.8	4.8	182.2	10.0	10.4	1.9	1.6	48.2	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,200	61,807	29.7	-3.2	1.5	-2.7	-1.8	25.7	18.9	2.0	1.8	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-4.49	5,075,658	-0.3	2.2	0.0	51.1	15.5	12.7	2.5	2.2	36.7	21.9	20.2	19.3
Ô tô và phụ tùng	-0.07	9,305	-2.6	-1.9	4.0	69.7	7.9	6.9	1.5	1.3	25.8	13.9	12.7	12.7
Ngân hàng	6.36	1,590,240	1.5	2.0	-2.6	65.9	12.7	10.2	2.1	1.7	37.6	22.8	19.5	19.3
Xây dựng cơ bản	-1.68	200,719	-2.9	-1.0	11.8	94.6	8.3	6.6	1.6	0.5	15.7	29.2	8.3	8.5
Dịch vụ thương mại	-0.03	5,300	-1.8	0.7	11.3	38.3	8.1	6.4	NA	NA	10.8	39.0	9.7	12.8
May mặc và trang sức	-0.14	43,093	-1.1	0.1	-2.6	112.5	12.9	10.5	2.4	2.0	22.1	24.6	15.6	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	8,468	0.6	1.1	2.4	26.7	NA	12.6	NA	NA	NA	NA	-9.0	3.6
Dịch vụ tài chính	0.64	140,160	1.8	1.9	14.7	331.8	7.6	8.3	0.6	0.6	80.2	-7.4	8.3	7.8
Năng lượng	-0.46	81,847	-2.0	-0.7	-0.9	19.2	26.7	15.1	0.2	0.2	NA	56.0	13.8	14.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.26	530,476	-1.5	-1.6	-0.9	35.3	25.1	17.1	4.9	4.2	55.7	33.0	19.9	22.3
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.03	1,671	-5.9	-10.1	132.5	157.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,834	-0.2	-0.2	-3.1	2.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.31	49,998	-2.2	-2.9	3.4	18.0	20.6	17.6	1.7	1.5	15.4	12.8	7.8	7.5
Nguyên vật liệu	-2.08	548,999	-1.4	0.2	10.0	187.2	64.0	14.2	1.3	1.0	NA	0.4	24.5	19.0
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,388	-2.5	1.1	-1.5	-25.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.09	38,328	-2.0	-1.7	11.5	28.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-2.21	1,206,009	-0.8	-3.2	8.2	27.4	9.4	8.3	1.5	1.4	3.9	14.6	8.8	9.1
Bán lẻ	-0.22	87,925	-0.6	0.5	-2.8	58.5	44.3	24.5	2.9	6.0	13.8	NA	14.5	14.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.34	91,251	-1.0	-0.3	-2.7	77.6	15.8	12.0	3.3	2.8	35.3	30.2	21.8	23.6
Thiết bị và phần cứng	0.04	8,204	-1.4	1.2	-1.7	118.5	19.6	16.7	4.2	3.8	27.4	17.6	22.3	23.4
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,565	1.8	8.8	19.7	289.5	18.7	15.1	5.3	4.1	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	-0.24	186,912	-2.3	0.7	20.5	291.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.40	260,444	-0.7	0.8	6.7	57.8	4.2	16.8	20.4	0.5	21.3	NA	-70.2	43.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VPB VN	63,500	3.9	10,516,500	1.6
VHM VN	109,600	1.1	11,598,900	1.1
CTG VN	32,650	1.9	10,817,600	0.8
TCB VN	49,650	1.4	11,611,100	0.7
BID VN	39,700	1.5	1,709,800	0.7
TPB VN	36,400	4.6	11,320,500	0.5
EIB VN	26,000	4.2	1,319,700	0.4
HVN VN	22,100	2.6	1,483,900	0.3
ACB VN	32,500	1.4	7,963,700	0.3
MBB VN	28,600	1.1	20,389,000	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	93,900	-1.2	2,280,200	-1.1
VNM VN	86,300	-2.3	2,622,200	-1.1
GAS VN	88,700	-1.9	720,100	-0.9
HPG VN	50,700	-1.0	31,246,800	-0.6
VRE VN	27,200	-3.2	3,358,200	-0.6
GVR VN	38,850	-1.1	6,217,700	-0.5
MSN VN	129,800	-1.0	1,539,300	-0.4
PDR VN	83,000	-3.5	3,118,800	-0.4
FPT VN	93,500	-1.5	2,290,600	-0.3
VGC VN	35,700	-6.1	2,872,100	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.